

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/5/2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Đó

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ánh Ngọc

Ông Nguyễn Thành Lam

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2023/TB-TA ngày 05/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Bích T**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Số A, tổ M, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Duy L**, sinh năm: 1977.

Nơi cư trú: Số A, tổ M, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nơi tạm trú: Số S, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trương Thị Bích T trình bày:**

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Trên cơ sở tự nguyện, chị T và anh L quen biết nhau được ba năm thì đi đến kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 107 ngày 30/12/1999.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc tại gia đình nhà chồng tại xã G. Khoảng hai năm sau hai vợ chồng ra ở riêng, chuyển về sinh sống tại số

A, tổ M, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống vẫn hạnh phúc cùng nhau. Tuy nhiên, khoảng 05 năm trước, anh L trúng vé số độc đắc nên bắt đầu thay đổi tính tình, không còn quan tâm chăm lo cho gia đình, anh thường xuyên uống rượu cùng bạn bè. Khi say xỉn về nhà anh thường chửi bới có lời lẽ xúc phạm chị T. Mặt khác anh L sống không chung thủy có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gổ, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Năm 2021 vợ chồng sống ly thân, anh L về nhà cha mẹ ruột của anh sinh sống tại địa chỉ số S, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không bàn bạc đoàn tụ.

Trước Tòa án chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh L, chị T yêu cầu Tòa án xét xử cho chị được ly hôn anh L.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 03 con chung:

+ Cháu Nguyễn Ngọc Thanh Thúy V, sinh ngày: 06/6/2001.

+ Cháu Nguyễn Ngọc Cẩm T, sinh ngày: 07/9/2006.

+ Cháu Nguyễn Nhật T, sinh ngày: 15/12/2009.

Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Cẩm T và cháu Nguyễn Nhật T. Chị T không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu V đã thành niên và có khả năng lao động không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T có chỗ ở và việc làm ổn định, thu nhập kinh tế hàng tháng khoảng 10.000.000đ (Mười triệu đồng) từ việc buôn bán, đủ điều kiện nuôi con tốt.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Nguyễn Duy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh L không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Bích T được ly hôn với anh Nguyễn Duy L.

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Cẩm T và cháu Nguyễn Nhật T cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc. Cháu V đã thành niên và có khả năng lao động nên không giải quyết. Anh L tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung đương sự không có tranh chấp nên hội đồng xét xử không giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Nguyễn Duy L cư trú tại số A, tổ M, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai và hiện nay đang tạm trú: Số S, ấp P, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

[1.2]. Quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

[1.3]. Về tư cách đương sự: Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xác định chị Trương Thị Bích T là nguyên đơn, anh Nguyễn Duy L là bị đơn.

[1.4] Về việc xét xử vắng mặt:

Ngày 21/4/2023 Tòa án tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử (QĐ số 36/QĐXXST-DS) cho anh L (người nhận là anh Nguyễn Duy P em ruột anh L sống cùng nhà nhận thay), Tòa án thông báo cho anh L biết thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 09 giờ ngày 05/5/2023. Ngày mở

phiên tòa anh L vắng mặt nên hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 hoãn phiên tòa.

Ngày 12/5/2023, Tòa án tiến hành tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa số 53/QĐST-DS ngày 05/5/2023 cho anh L, thông báo cho anh L biết thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 30/5/2023. Tại phiên tòa anh L tiếp tục vắng mặt không có lý do nên hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trương Thị Bích T và anh Nguyễn Duy L xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 107 ngày 30/12/1999 đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 5, 6 và Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 nên xác định hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, năm 2022 chị T khởi kiện xin ly hôn anh L. Thời điểm này Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành. Xét việc kết hôn của chị T và anh L cũng phù hợp với quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh L hội đồng xét xử nhận định: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T, anh L sống hạnh phúc. Đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Theo lời khai của chị T sau khi anh L trúng số có nhiều tiền thì anh thay đổi tính tình anh L sống không chung thủy, không quan tâm chăm lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu, say xỉn chửi mắng và có lời lẽ xúc phạm chị T dẫn đến đời sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân được 02 năm nay không bàn bạc đoàn tụ.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh L đến tòa tham gia giải quyết, hòa giải đoàn tụ cùng chị T nhưng anh L không hợp tác. Điều đó cho thấy anh L không có thiện chí muốn hòa giải cùng với chị T để xây dựng lại gia đình hạnh phúc.

Theo biên bản xác minh ngày 13/3/2023, ông Nguyễn Quang Đ (Công an xã Q) cho biết: “ ... hai vợ chồng anh L, chị T đã không còn sống chung cùng nhau khoảng 02 năm nay .. ”

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 40 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T cho chị được ly hôn anh L.

[2.2] Xét yêu cầu xin nuôi con chung của chị T hội đồng xét xử nhận định:

Theo lời khai của chị T, vợ chồng chung sống có 03 con chung: Cháu Nguyễn Ngọc Thanh Thúy V, sinh ngày: 06/6/2001; Nguyễn Ngọc Cẩm T, sinh ngày: 07/9/2006; Nguyễn Nhật T, sinh ngày: 15/12/2009.

Hiện nay các cháu đang sống cùng chị T tại số A, tổ M, ấp N, xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Chị T có chỗ ở ổn định, thu nhập kinh tế từ việc buôn bán. Đồng thời cháu Tiên và Tiến có nguyện vọng muốn sống cùng với mẹ nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 giao cháu Nguyễn Ngọc Cẩm T, sinh ngày: 07/9/2006; Nguyễn Nhật T, sinh ngày: 15/12/2009 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Riêng cháu Nguyễn Ngọc Thanh Thúy V đã thành niên và có khả năng lao động nên hội đồng xét xử không giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên hội đồng xét xử không giải quyết. Tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trương Thị Bích T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Trương Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 40 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986;

- Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; 82; 83; 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Bích T.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trương Thị Bích T và anh Nguyễn Duy L được ly hôn.

2. *Về con chung:*

2.1 Giao cháu Nguyễn Ngọc Cẩm T, sinh ngày: 07/9/2006 và Nguyễn Nhật T, sinh ngày: 15/12/2009 cho chị Trương Thị Bích T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2 Tạm thời anh Nguyễn Duy L không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Duy L được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Trương Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009012 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H.TN;
- Chi cục THADS H.TN;
- UBND xã G (107/1999);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Kim Đó